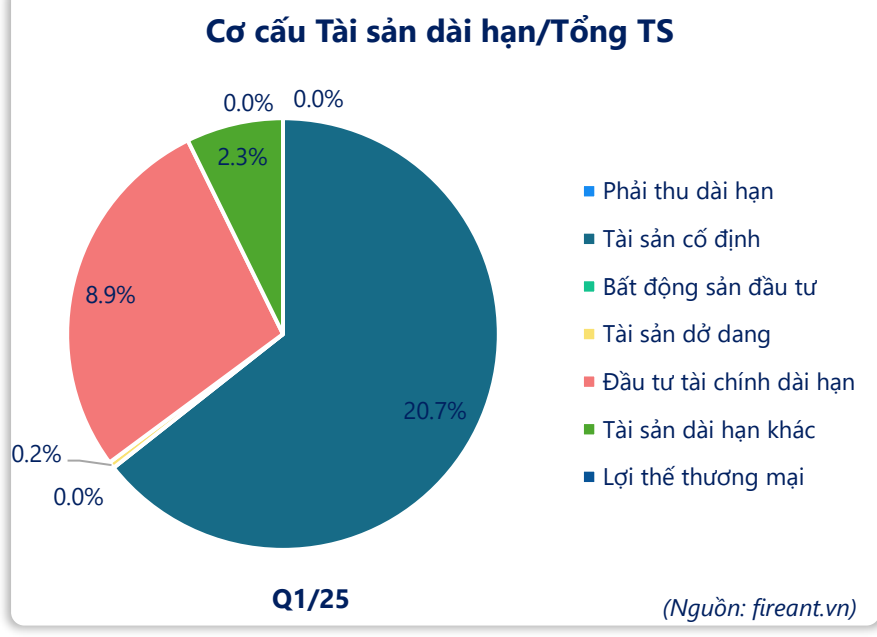
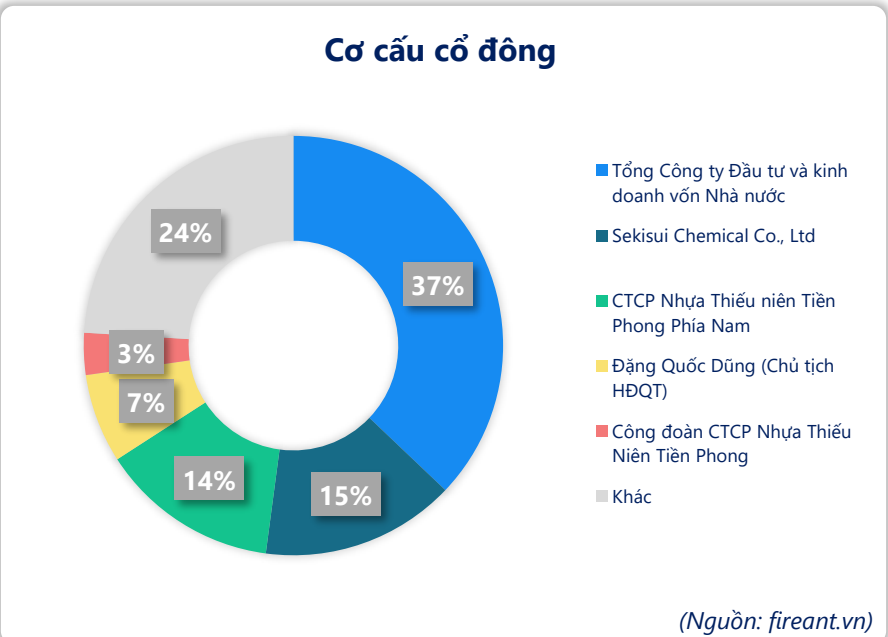
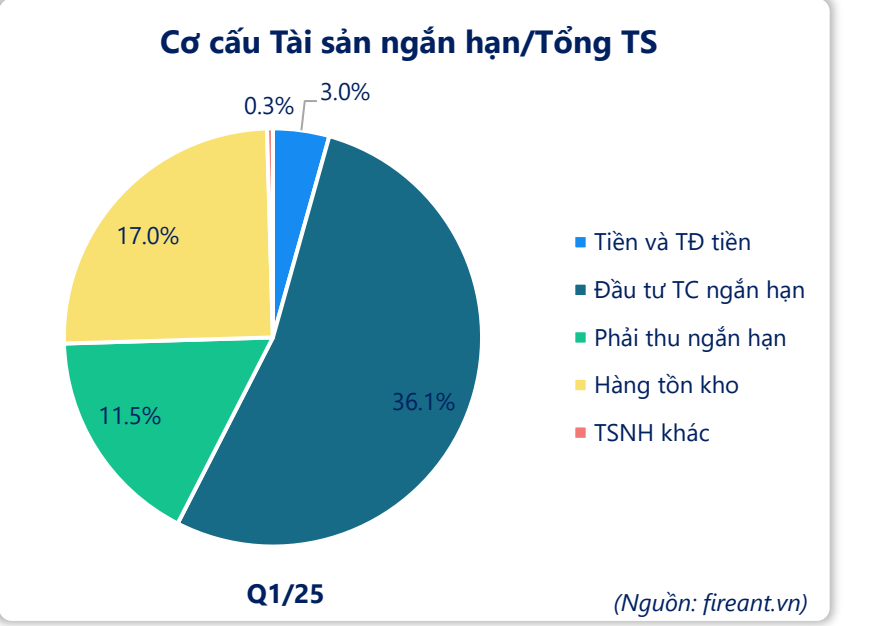
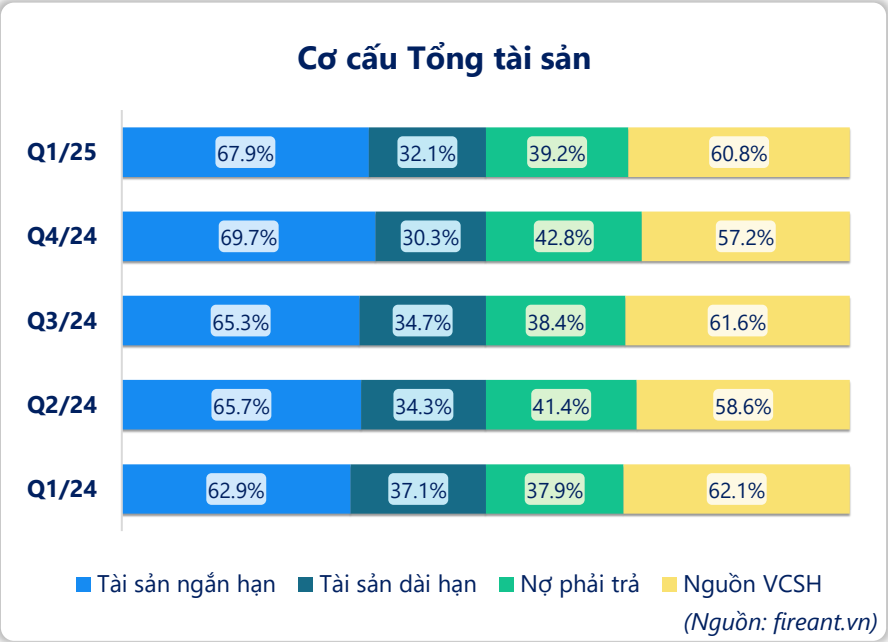
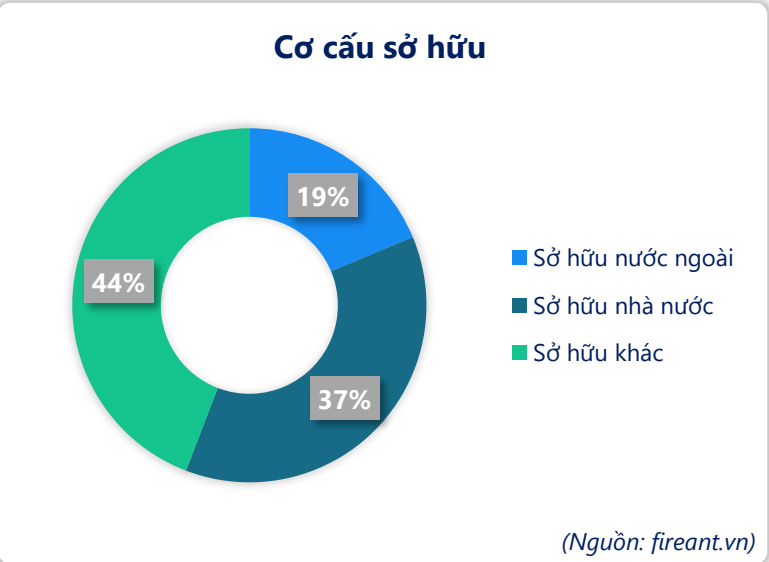
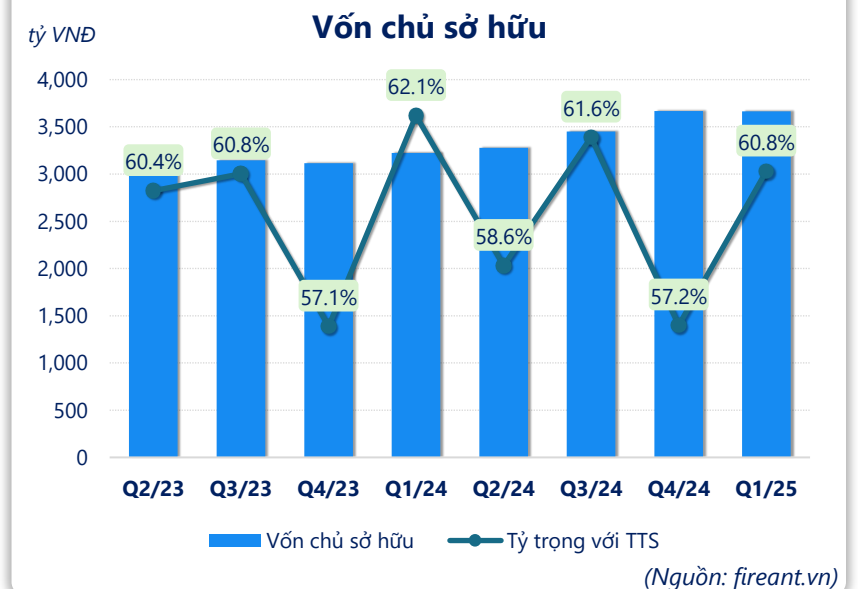
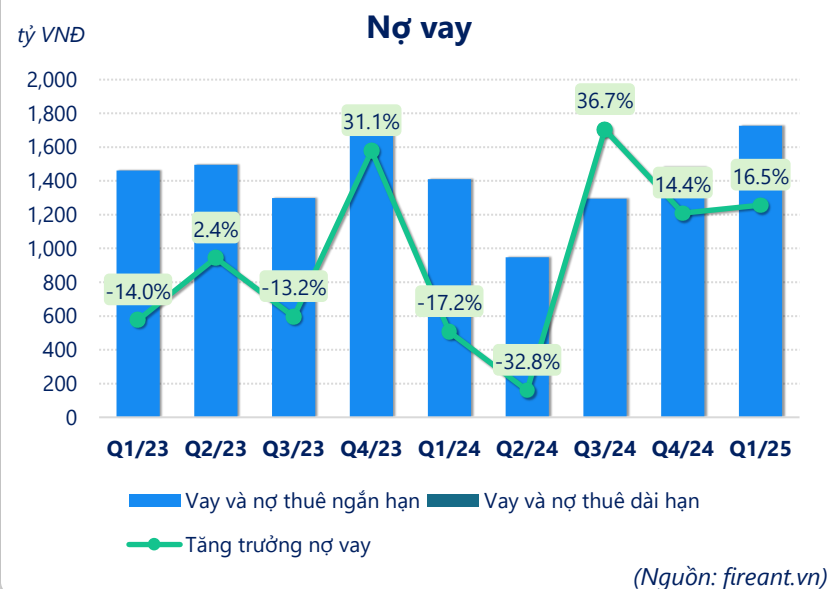
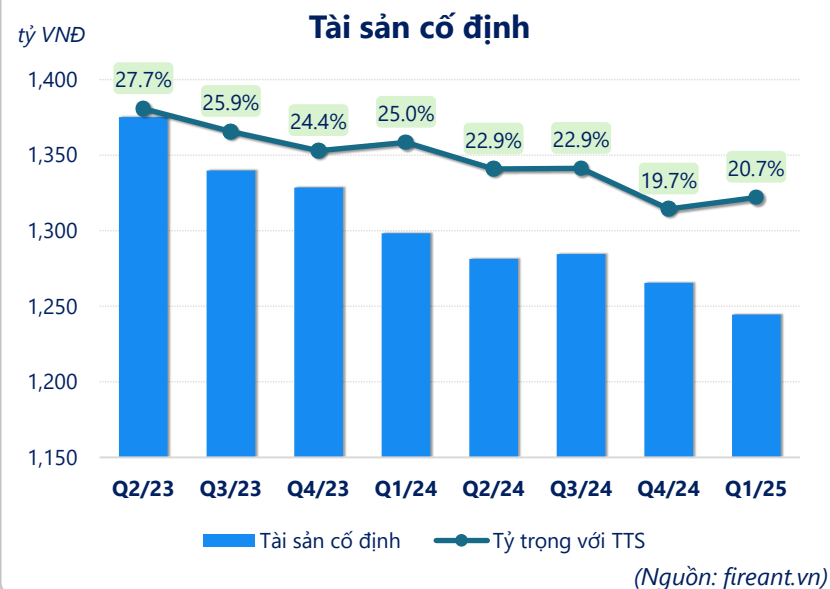
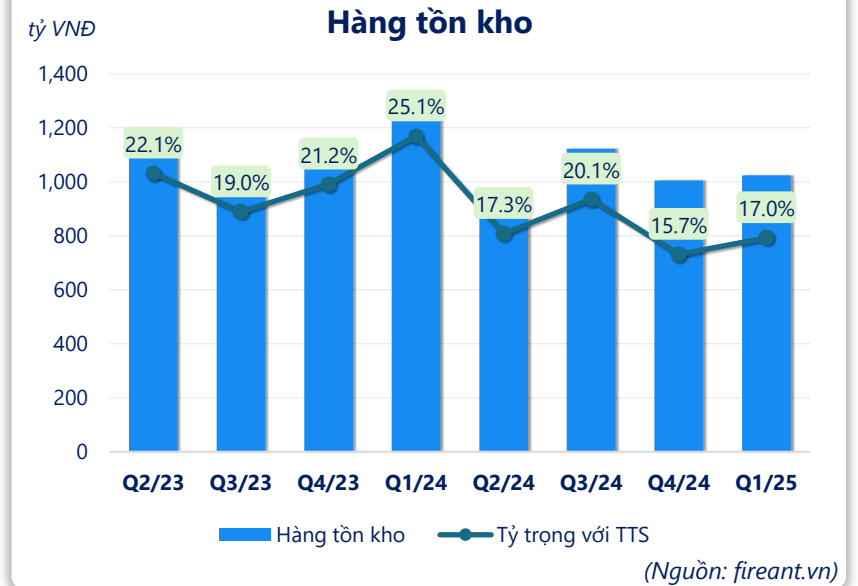
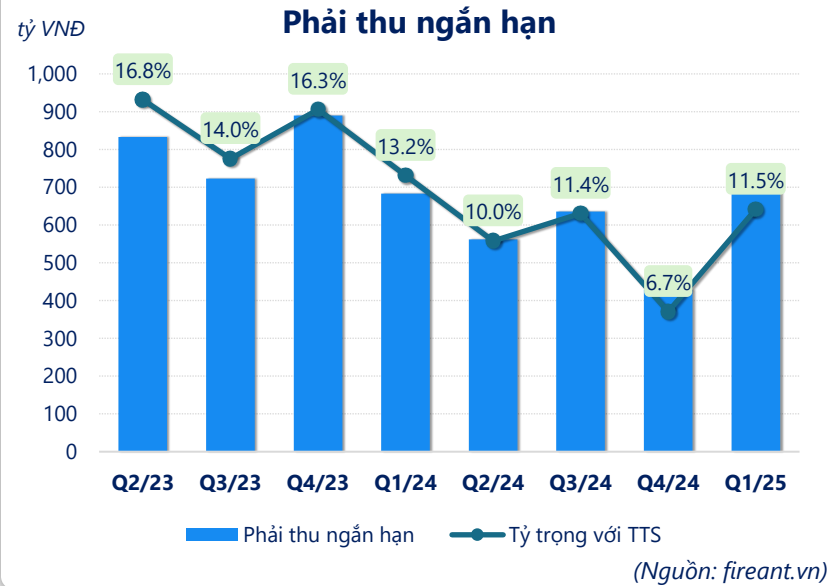
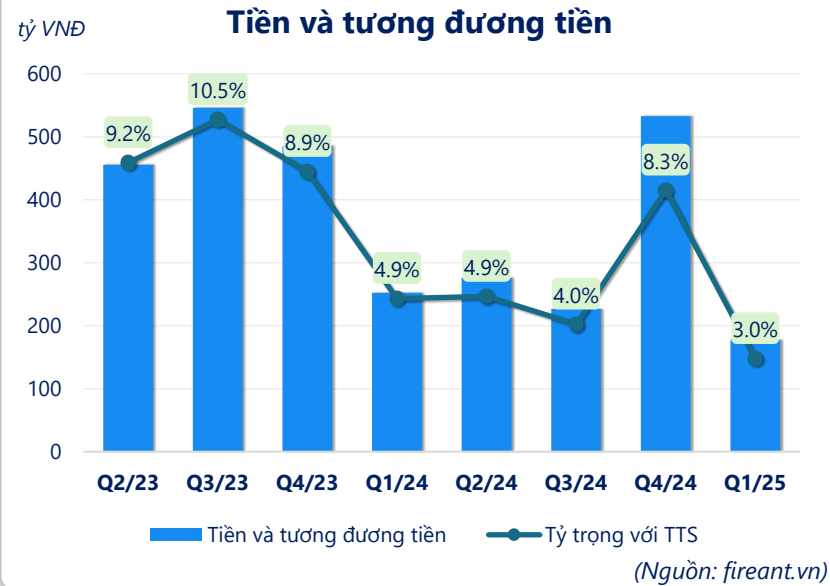
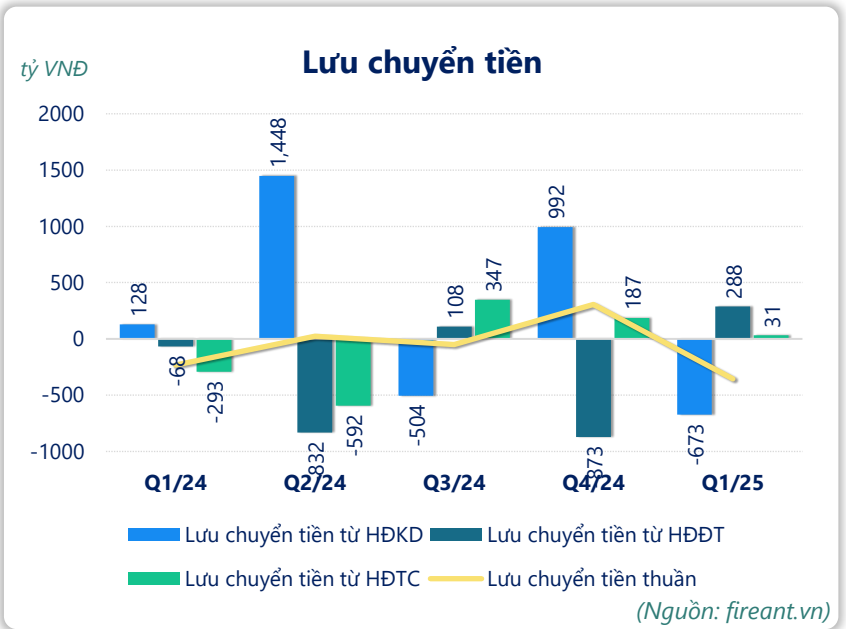
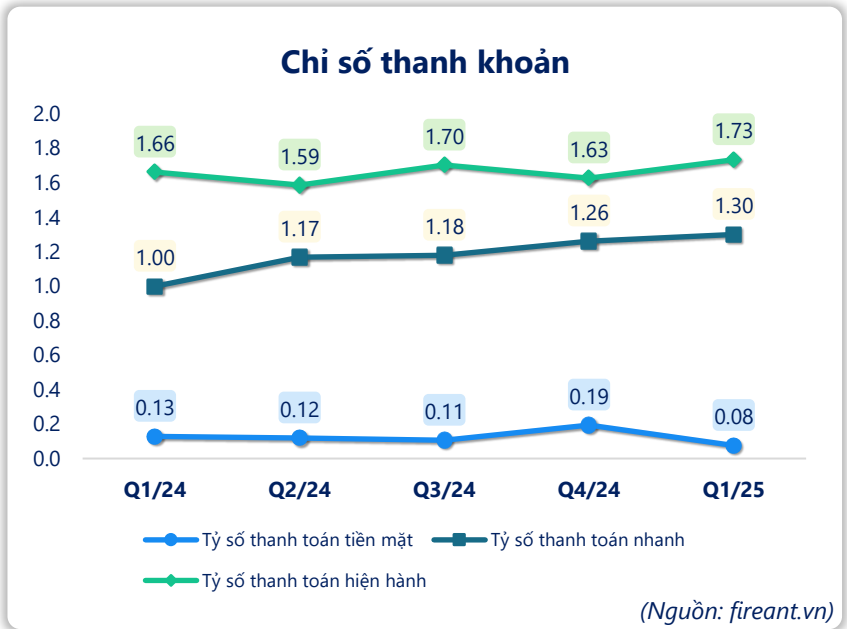
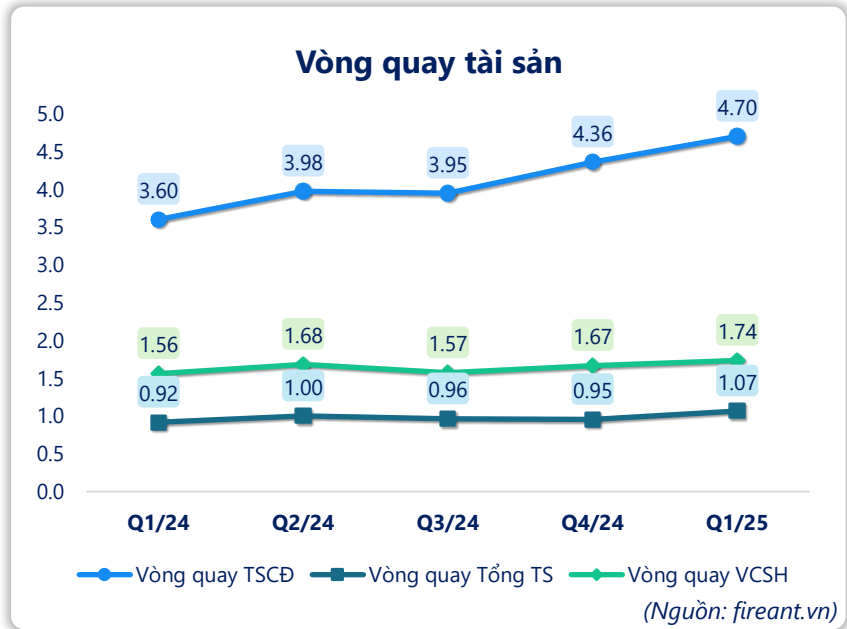
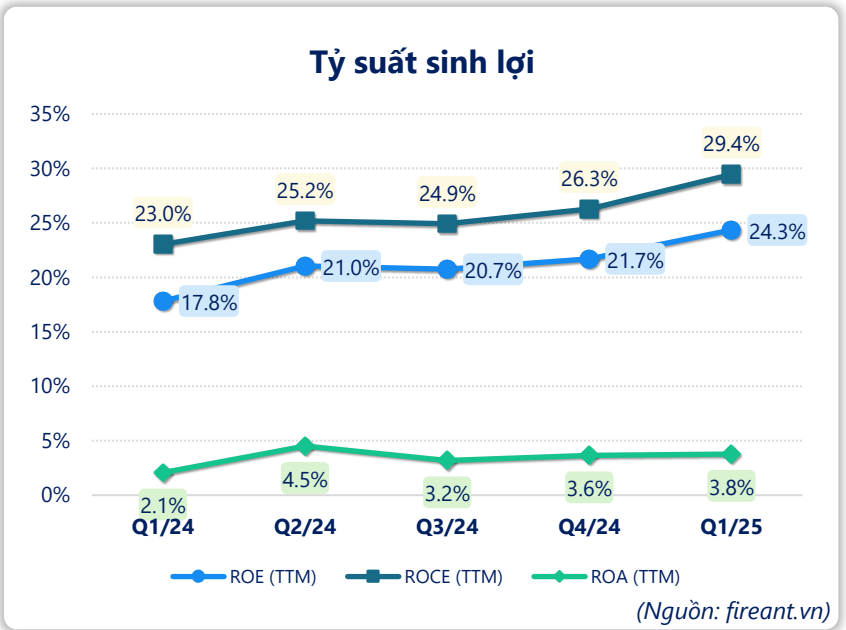
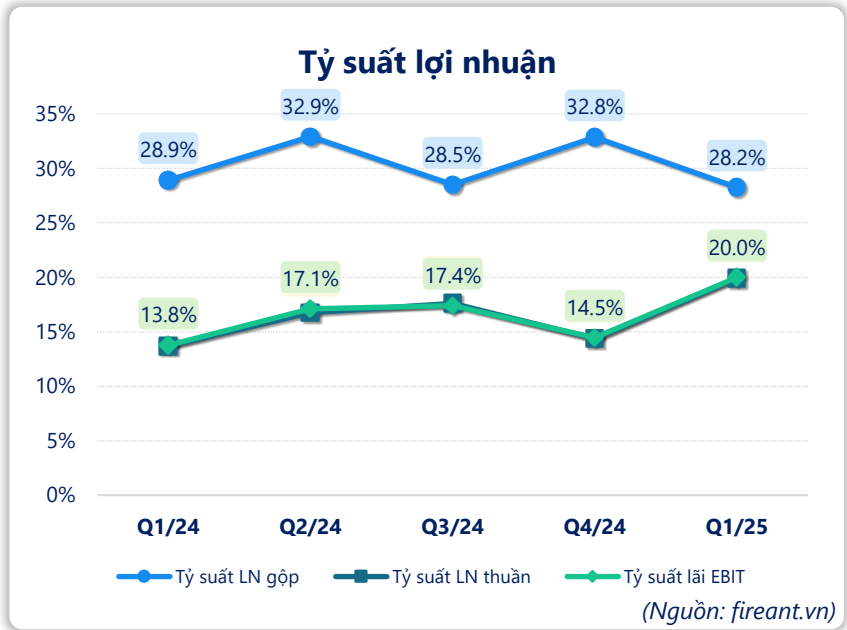
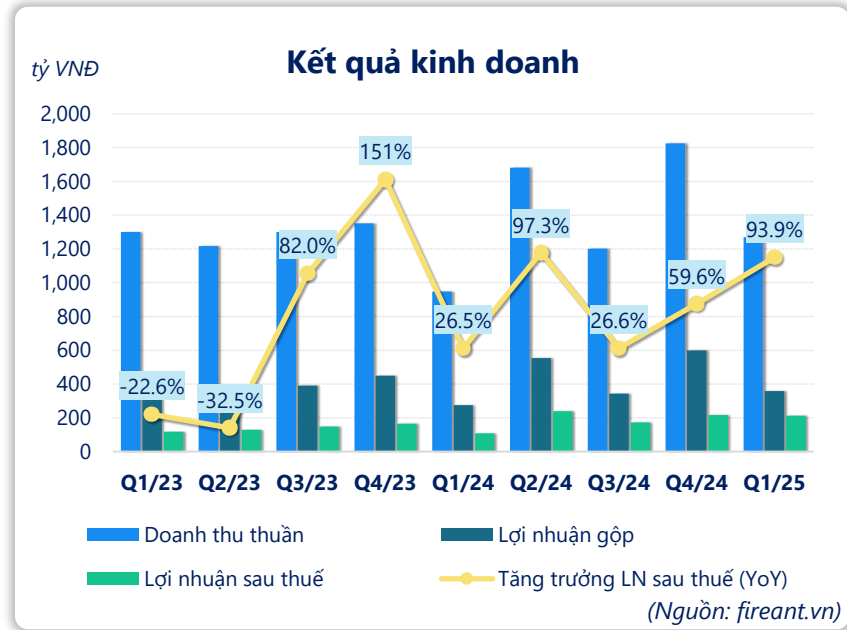


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		66,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		70,045
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,284
SL cổ phiếu LH		142,532,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)		571,675
% sở hữu nước ngoài		18.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		9,407
P/E		11.2
EPS		5,883

	YTD	1T	3T	6T
NTP	3.3%	2.6%	3.5%	11.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,025	6,415	-6.1%
Tài sản ngắn hạn	4,092	4,473	-8.5%
Tiền và tương đương tiền	178	533	-66.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,176	2,492	-12.7%
Phải thu ngắn hạn	696	428	62.5%
Hàng tồn kho	1,023	1,005	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	18.5	14.6	26.1%
Tài sản dài hạn	1,933	1,942	-0.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,245	1,265	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.47	11.1	-14.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	539	520	3.6%
Tài sản dài hạn khác	141	145	-3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,361	2,748	-14.1%
Nợ ngắn hạn	2,361	2,748	-14.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,727	1,482	16.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	266	314	-15.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,664	3,666	-0.1%
Vốn chủ sở hữu	3,664	3,666	-0.1%
Vốn điều lệ	1,425	1,425	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	949	1,680	1,201	1,826	1,269
Giá vốn hàng bán	674	1,127	859	1,226	911
Lợi nhuận gộp	274	553	342	600	358
Doanh thu HĐTC	15.5	20.4	24.7	30.9	36.6
Chi phí TC	20.7	43.0	17.3	58.2	22.4
Chi phí lãi vay	0	2.72	0	0	0
LN trong công ty LKLD	2.99	7.72	2.95	9.14	18.8
Chi phí bán hàng	94.3	205	91.4	242	91.7
Chi phí QLDN	47.9	52.0	50.1	77.2	47.2
LN thuần từ HĐKD	130	281	211	262	252
Lợi nhuận khác	0.51	3.28	-2.35	1.96	1.19
LN trước thuế	131	285	209	264	254
Lợi nhuận sau thuế	109	238	172	217	212
LNST của CĐ cty mẹ	109	238	172	217	212

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	128	1,448	-504	992	-673
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-68.1	-832	108	-873	288
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-293	-592	347	187	31.1
Tiền đầu kỳ	485	253	276	227	533
Lưu chuyển tiền thuần	-233	23.4	-49.2	306	-355
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	253	276	227	533	178

(Nguồn: fireant.vn)